

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 27-7-2020.

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con, chia tài sản và đòi tài”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Sơn.

2. Ông Phạm Văn Dự.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Thu Thủy – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 27/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 177/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản và đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Hồ Thị Thùy L**, sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về phần tài sản: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số x, đường số x, phường x, thành phố T, tỉnh L. (Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2019).

2. *Bị đơn:* **Ông Võ Minh V**, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Số x, Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh L.

3. *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 **Ông Võ Văn K**, sinh năm 19xx.

3.2 **Bà Nguyễn Thị X**, sinh năm 19xx.

3.3 **Bà Huỳnh Thị Ngọc T**, sinh năm 19xx.

3.4 Ông Hồ Văn L1, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh L.

(Tất cả các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn bà Hồ Thị Thùy L như sau:

Do quen biết bà và ông Võ Minh V sống chung đầu năm 2010, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 0x/x/20xx. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh L, đến năm 2014 vợ chồng cất nhà sống riêng.

Vợ chồng sống chung thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về kinh tế, ông V không chăm lo làm ăn. Đến ngày 14/02/2019, bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Minh V.

Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Võ Thị Quế T1, sinh ngày 08/01/2011 và Võ Thị Thanh T2, sinh ngày 01/4/2014, hiện cả hai con chung đang sống chung bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi 02 con chung và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000đ/tháng.

2. Ông Nguyễn Minh C đại diện cho bà Hồ Thị Thùy L trình bày:

Trong quá trình chung sống bà L và ông V có các tài sản chung là giá trị 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh L; 01 tủ để tivi; 01 tivi 32 inch; 01 máy lạnh; 01 máy giặt; 01 xe máy hãng yamaha; 01 bộ ghế salong; 01 bộ bàn ghế nhôm, 01 loa thùng. Bà L yêu cầu chia đôi tài sản chung và yêu cầu được nhận ½ giá trị tài sản.

Về nợ chung: Không có.

3. Bị đơn ông Võ Minh V trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Hồ Thị Thùy L về thời gian chung sống, quá trình chung sống, con chung.

Vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân khoảng tháng 02/2019. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn và ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Võ Thị Quế T1, sinh ngày 08/01/2011 và Võ Thị Thanh T2, sinh ngày 01/4/2014, hiện đang sống chung bà L. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung Võ Thị Thanh T1, sinh ngày 01/4/2014, giao con chung Võ Thị Quế T2, sinh ngày 08/01/2011 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai

cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Trường hợp bà L nuôi 02 con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 tủ để tivi; 01 tivi 32 inch; 01 máy lạnh; 01 máy giặt; 01 xe máy hãng yamaha; 01 bộ ghế salong; 01 bộ bàn ghế nhôm, 01 loa thùng. Ông đang quản lý sử dụng số tài sản này, ông đồng ý chia đôi tài sản này, ông yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, giao tài sản cho bà L.

Về 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh Long An là tài sản của ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X xây dựng cho vợ chồng sống. Ông và bà L có bỏ ra số tiền để tô và dán căn nhà. Ông đồng ý chia đôi giá trị phần tô dán nhà.

Về nợ chung: Không có.

4. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X thống nhất trình:

Ông K và bà X là cha mẹ chồng của Hồ Thị Thùy L. Ông Võ Minh V là con trai của ông, bà.

Tháng 3/2014, ông K và bà X có xây dựng nhà cấp 4 tại thửa đất 521, tờ bản đồ số 24 tọa lạc Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh L cho L và V ở tạm (xây dựng phần nhà thô, không có tô và dán gạch). Số tiền cất nhà là tiền của ông K và bà X. Trong quá trình xây nhà mẹ ruột của Hồ Thị Thùy L có cho L và V 120 bao xi măng. Bà L và ông V không có bỏ tiền xây dựng. Tổng cộng số tiền xây dựng nhà cho ông V và bà L là 91.000.000đ (trong đó 80.000.000đ mua vật liệu, 11.000.000đ trả tiền công thợ).

Tháng 8/2016, bà L và ông V tự tiến hành tô và dán gạch như hiện trạng bây giờ. Bà L và ông V làm thủ tục ly hôn, ông K và bà X xác định phần nhà cất thô là tiền của ông K và bà X nên yêu cầu L và V trả lại nhà cho ông, bà. Ông K, bà X đồng ý trả lại giá trị 120 bao xi măng và giá trị phần tô, dán cho L và V.

5. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Ngọc T trình bày:

Bà là mẹ ruột của Hồ Thị Thùy L. Năm 2014, L và V xây dựng nhà riêng để ở nên bà có cho 120 bao xi măng. Năm 2017 bà có cho thêm số tiền để lát gạch, tô tường và hoàn thiện căn nhà. Bà xác định không yêu cầu L và V hoàn trả 120 bao xi măng và số tiền đã cho.

6. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan Hồ Văn L1 trình bày:

Ông là cha ruột của Hồ Thị Thùy L. Năm 2014, L và V tiến hành xây nhà riêng để ở, ông có làm phụ công xây nhà. Ông xác định không yêu cầu L và V trả tiền công lao động phụ xây nhà.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Các đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An phát biểu:

- Về hình thức: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự, giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Cho bà Hồ Thị Thùy L ly hôn với ông Võ Minh V.

Về nuôi con chung: Bà Hồ Thị Thùy L được trực tiếp nuôi con chung tên Võ Thị Quế T1, sinh ngày 08/01/2011 và Võ Thị Thanh T2, sinh ngày 01/4/2014. Ông V phải cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 745.000đ/tháng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Chia tài sản chung: Chia đôi tài sản chung của vợ chồng. Ông V được nhận tài sản là 01 tủ để tivi; 01 tivi 32 inch; 01 máy lạnh; 01 máy giặt; 01 xe máy hãng yamaha; 01 bộ ghế salong; 01 bộ bàn ghế nhôm, 01 loa thùng và giá trị nhà cấp 4 tại thửa đất 521, tờ bản đồ số 24 tọa lạc Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh L. Ông V hoàn trả ½ giá trị tài sản trên cho bà L. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông K và bà X.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thùy L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản với ông Võ Minh V. Ngày 02/3/2020 ông K, bà X có đơn yêu cầu ông V, bà L hoàn trả giá trị nhà thô xây dựng năm 2014 và ông V hiện đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Hồ Thị Thùy L và ông Võ Minh V xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số x ngày x/x/20x, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Bà L yêu cầu được ly hôn với ông V, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa bà và ông V không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa ông V xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Quế T1, sinh ngày 08/01/2011 và Võ Thị Thanh T2, sinh ngày 01/4/2014. Khi ly hôn, ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Quế T1, giao con chung tên Võ Thị Thanh T2 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con nhưng bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho mỗi đứa con.

[3.1] Ông V và bà L đều có yêu cầu nuôi con chung Võ Thị Thanh T1, sinh ngày 01/4/2014. Tại phiên tòa, ông V xác định từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay con chung Võ Thị Thanh T1 sống chung với bà L và cháu T1 còn nhỏ. Vì vậy, để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Võ Thị Thanh T1, sinh ngày 01/4/2014 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng.

[3.2] Bà Linh có yêu cầu nuôi con chung Võ Thị Quế T2, sinh ngày 08/01/2011 và ông V đồng ý giao cho bà L trực tiếp nuôi con chung là Quế T2 nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Võ Thị Quế T2 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng.

[3.3] Bà L yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nhưng ông V không đồng ý. Xét, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Khi chấm dứt quan hệ hôn nhân, giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, bên không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà L nuôi con, ông V phải cấp dưỡng. Bà L yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ nhưng ông V xác định hiện nay đang làm bốc vác, thu nhập không ổn định nên không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, bà L không có chứng minh được mức thu nhập của ông V nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng theo yêu cầu của bà L. Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông V cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 745.000đ/tháng.

[4] Tài sản chung:

[4.1] Tại phiên tòa bà L và ông V thống nhất vợ chồng có tài sản chung là 01 tủ để tivi; 01 tivi 32 inch; 01 máy lạnh; 01 máy giặt; 01 xe máy hãng yamaha biển số 62H1- 043.06 do Công an huyện Tân Trụ cấp cho ông Võ Minh V vào ngày 10/9/2012; 01 bộ ghế salong; 01 bộ bàn ghế nhôm; 01 loa. Bà L và ông V thỏa thuận các vật dụng này có giá trị là 37.000.000đ. Tại phiên tòa, bà L và ông V đều có yêu cầu nhận giá trị và giao các vật dụng này cho người còn lại. Xét thấy, ông V quản lý các vật dụng này từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau và hiện nay ông V đang quản lý sử dụng các tài sản này nên Hội đồng xét xử giao các vật dụng này cho ông Việt sử dụng và ông V có nghĩa vụ hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị cho bà L.

[4.2] Bà L xác định vợ chồng có tài sản chung là giá trị 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc Ấp 2, xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Ông V, ông K và bà X thống nhất tài

sản chung của L, V là giá trị phần tô dán còn phần xây dựng thô là của ông K, bà X và có yêu cầu độc lập là yêu cầu L Việt trả giá trị căn nhà thô cho ông K, bà X. Tại phiên tòa các đương sự thống nhất nhà được xây thô năm 2014, bà Huỳnh Thị Ngọc Tr có cho 120 bao xi măng, ông Hồ Văn L1 có phụ công xây nhà và tất cả đương sự đồng ý với Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Hồng Đức. Xét, căn nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất 521 và thửa 202 tờ bản đồ số 24 tọa lạc Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh Long An. Ông K và bà X cho rằng căn nhà là do ông, bà xây với số tiền 91.000.000đ cho ông V, bà L ở tạm để làm ăn. Tuy nhiên từ năm 2014 sau khi xây dựng xong, ông K và bà X đã giao nhà cho ông V, bà L quản lý sử dụng căn nhà; ông V cũng đã tách hộ khẩu riêng sống cùng bà và hai con; năm 2016 ông K, bà X biết được việc L, V tiến hành tô và dán gạch như hiện trạng bây giờ nhưng không có ý kiến phản đối gì. Ông K và bà X xác định có đóng góp số tiền 91.000.000đ để xây nhà cho V, L nhưng không nói rõ là cho mượn hay cho luôn L, V nên yêu cầu L, V trả giá trị nhà thô và trả lại phần tô dán cho L, V của ông K, bà X là không có căn cứ chấp nhận. Do đó xác định, ông K và bà X đã cho ông V, bà L căn nhà này. Vì vậy xác định giá trị căn nhà căn nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất 521 và thửa 202 tờ bản đồ số 24 tọa lạc Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh L là tài sản chung của ông V và bà L.

[4.3] Tại phiên tòa bà L, ông V đều có yêu cầu được nhận giá trị nhà. Xét, căn nhà được xây trên thửa đất số 521, tờ bản đồ 21 của ông Võ Văn K và hiện nay ông V đang quản lý sử dụng căn nhà này (căn nhà này cất gần nhà của ông K, bà X) nên giao nhà cho ông V tiếp tục sử dụng, ông Việt có nghĩa vụ hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cho bà L theo giá của chứng thư thẩm định giá của công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức. Tài sản chung là căn nhà có giá trị là 325.260.000đ.

[4.4] Như vậy, tài sản chung của V và L gồm vật dụng, xe mô tô biển số 62H1-043.06 có giá trị 37.000.000đ và giá trị căn nhà cấp 4 là 325.260.000đ, tổng cộng là 37.000.000đ + 325.260.000đ = 362.260.000đ, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ là 181.130.000đ. Do ông V được nhận tất cả các tài sản này nên ông V phải có nghĩa vụ hoàn trả cho L số tiền là 181.130.000đ.

[5] Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ kiện không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[7] Chi phí tố tụng: Thẩm định giá 5.500.000đ, xem xét thẩm định tại chỗ 300.000đ, tổng cộng 5.800.000đ. Do ông V và bà L mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị nên phải cùng chịu chi phí tương đương như nhau là 5.800.000đ : 2 = 2.900.000đ. Do số tiền này, bà L đã tạm nộp nên ông V phải trả cho bà L số tiền 2.900.000đ.

[8] Án phí: Bà Hồ Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí chia tài sản. Ông Võ Minh V phải án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí chia tài

sản. Ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí trên yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Thùy L và ông Võ Minh V.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Võ Thị Quế T1, sinh ngày 08/01/2011 và Võ Thị Thanh T2, sinh ngày 01/4/2014 cho bà Hồ Thị Thùy L được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Minh V phải cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 745.000đ/tháng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), bắt đầu từ ngày 27/7/2020 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Chia tài sản chung:

Ông Võ Minh V được nhận các tài sản là 01 tủ để tivi, 01 tivi 32 inch, 01 máy lạnh, 01 máy giặt, 01 xe máy hãng yamaha biển số 62H1- 043.06 do Công an huyện Tân Trụ cấp cho ông Võ Minh V vào ngày 10/9/2012, 01 bộ ghế salong, 01 bộ bàn ghế nhôm, 01 loa, giá trị căn nhà cấp 4 cất trên thửa đất 521 và thửa 202 tờ bản đồ số 24 tọa lạc Ấp x xã L huyện T tỉnh L.

Buộc ông Võ Minh V phải trả cho bà Hồ Thị Thùy L số tiền là 181.130.000đ (Một tám mươi một triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X yêu cầu Võ Minh V và Hồ Thị Thùy L trả giá trị căn nhà thô.

- Chi phí tố tụng: Thẩm định và định giá tổng cộng 5.800.000đ. Do ông V và bà L mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị nên phải cùng chịu chi phí tương đương như nhau là 5.800.000đ : 2 = 2.900.000đ. Ông V phải hoàn trả cho bà L số tiền 2.900.000đ (Hai triệu, chín trăm nghìn đồng). Bà L đã nộp đủ.

- Án phí:

Bà Hồ Thị Thùy L phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và số tiền 9.056.500đ (Chín triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm đồng) án phí chia tài sản, tổng cộng 9.356.500đ (Chín triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm đồng) nhưng được khấu trừ số tiền 2.175.000đ (Hai triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007044, số 0007045 cùng ngày 21/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà L phải nộp tiếp số tiền 7.181.500đ (Bảy triệu, một trăm tám mươi một nghìn, năm trăm đồng).

Ông Võ Minh V phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con và số tiền 9.056.500đ (Chín triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm đồng) án phí chia tài sản, tổng cộng 9.356.500đ (Chín triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm đồng).

Ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X phải chịu số tiền án phí là 14.707.700đ (Mười bốn triệu, bảy trăm lẻ bảy nghìn, bảy trăm đồng) nhưng được khấu trừ số tiền 2.275.000đ (Hai triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007250 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Ông K và bà X phải nộp tiếp số tiền 12.432.700đ (Mười hai triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm đồng).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Long An.

-VKSND huyện Tân Trụ.

-THA DS huyện Tân Trụ.

-Các đương sự.

- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa